

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 4 trang)

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi 101

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

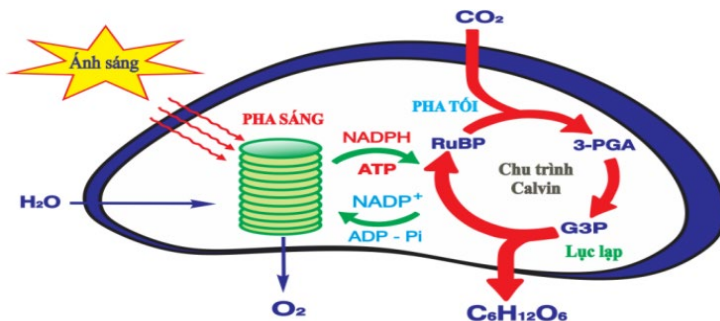
Câu 1: Khi nói đến điều kiện quá trình cố định nitrogen khí quyển, phát biểu sau đây **không** đúng?
A. Thực hiện trong điều kiện kỵ khí. B. Có sự tham gia của enzyme nitrogenase.
C. Có sự tham gia của CO₂ và nước. D. Có lực khử mạnh, được cung cấp năng lượng ATP.

Câu 2: Pha tối của quá trình quang hợp diễn ra ở vị trí nào trong lục lạp?
A. Ti thể. B. Chất nền. C. Thylakoid. D. Màng trong.

Câu 3: Quá trình hô hấp ở thực vật có ý nghĩa gì?
A. Chuyển hóa carbohydrate thành CO₂ và H₂O.
B. Tạo năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.
C. Làm sạch không khí.
D. Đảm bảo cân bằng O₂ và CO₂ trong khí quyển.

Câu 4: Ý nào sau đây **sai** khi nói về vai trò của sinh vật tự dưỡng đối với sinh giới?
A. Cung cấp O₂, đảm bảo cho hoạt động sống của hầu hết sinh vật.
B. Điều hoà khí hậu: tạo nhiệt độ, độ ẩm thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của sinh vật.
C. Cung cấp thức ăn, nơi ở và nơi sinh sản cho động vật.
D. Phân hủy chất hữu cơ và tái tạo các chất dinh dưỡng trong đất, trả lại vật chất cho môi trường.

Câu 5: Trong quang hợp, hình dưới đây mô tả hai pha quá trình quang hợp ở tế bào thực vật. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- I. Pha sáng diễn ra trên màng thylakoid (hạt Grana)
- II. Pha tối diễn ra chất nền Stroma (lục lạp)
- III. Pha tối cần năng lượng ánh sáng, H₂O, NADP⁺, ADP, phospho vô cơ.
- IV. Pha sáng cần CO₂, NADPH, ATP

A. 2 B. 4 C. 3 D. 1

Câu 6: Ý nào sau đây là **đúng** khi nói về quá trình đồng hóa?
A. Tổng hợp chất khí.
B. Phân giải chất hữu cơ thành các chất tương đồng nhau.
C. Tổng hợp chất hữu cơ và tích lũy năng lượng.
D. Tổng hợp chất hữu cơ từ các chất hữu cơ phức tạp.

Câu 7: NH₄⁺ trong đất chuyển hoá thành NO₃⁻ là do nhóm vi sinh vật nào?
A. Vi khuẩn nitrate hoá. B. Vi khuẩn kí sinh.
C. Vi khuẩn cố định nitrogen. D. Vi khuẩn phân nitrate.

Câu 8: Khí oxygen được giải phóng qua quá trình quang hợp có nguồn gốc từ đâu?
A. N₂O. B. CO₂. C. H₂O. D. C₆H₁₂O₆.

Câu 9: Các giai đoạn của quá trình phân giải kỵ khí diễn ra theo trật tự nào?
A. Đường phân → Lên men → Chuỗi chuyền electron.
B. Đường phân → Lên men.
C. Đường phân → Chu trình Krebs → Chuỗi chuyền electron.

D. Lên men → Đường phân.

Câu 10: Cây trên cạn hấp thụ nước chủ yếu qua bộ phận nào?

- A. Biểu bì của thân.
- B. Tế bào lông hút ở rễ.
- C. Biểu bì của cành.
- D. Biểu bì của lá.

Câu 11: Cho phương trình: $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \rightarrow A + 6H_2O + Q$ (năng lượng). Trong phương trình trên A có thể là những chất gì?

- A. $C_3H_4O_3$.
- B. C_2H_5OH .
- C. CO_2 .
- D. CH_3COOH .

Câu 12: Khi tìm hiểu hô hấp ở thực vật. Có bao nhiêu nhận định sau đây đúng?

- I. Năng lượng (dưới dạng ATP) sinh ra từ hô hấp được sử dụng cho hầu hết các hoạt động sống.
- II. Nhiệt năng được giải phóng ra trong hô hấp giúp duy trì nhiệt độ cơ thể.
- III. Hô hấp tạo ra các sản phẩm trung gian
- IV. Hô hấp tạo sản phẩm trung gian để tổng hợp nên các hợp chất hữu cơ khác.

- A. 1.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 13: Trong lục lạp, có bao nhiêu loại sắc tố quang hợp sau đây?

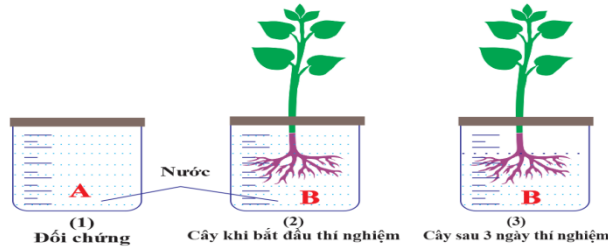
- I. Thylakoid. , II. Chlorophyll a. III. Chlorophyll b., IV. Xantophyn., V. Carotene., VI. Lyperin.

- A. 3.
- B. 4.
- C. 2.
- D. 5.

Câu 14: Giai đoạn đường phân xảy ra ở đâu?

- A. Tế bào chất.
- B. Tế bào chất và nhân.
- C. Nhân tế bào.
- D. Ti thể.

Câu 15: Qua thí nghiệm chứng minh sự hút nước ở rễ (mô phỏng thí nghiệm hình dưới). Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

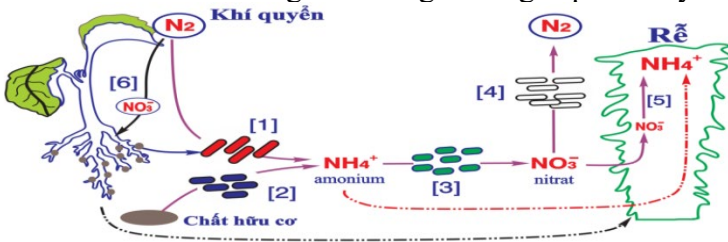


- I. Sau 3 ngày so với cốc đối chứng (1) nước trong cốc (3) giảm nhiều do cây hút nước lên và thoát qua lá.
- II. Qua thí nghiệm này chứng tỏ nước đã thoát qua bề mặt lá.
- III. Qua thí nghiệm này chứng tỏ nước đã được hút lên từ rễ rồi thoát qua bề mặt lá.
- IV. Qua thí nghiệm này cho ta hiểu được cây hút nước từ môi trường vào tế bào lông hút của rễ để đưa lên thân, lá.

- A. 4.
- B. 1.
- C. 2.
- D. 3.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

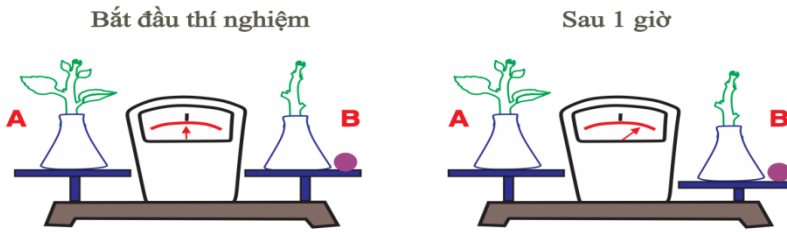
Câu 1: Sơ đồ tóm tắt nguồn nitrogen cung cấp cho cây:



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai?

- a) Có 3 loại vi khuẩn tham gia vào quá trình chuyển hoá trên
- b) Thực vật có thể sử dụng nguồn Nitrogen tự do trong không khí (N_2).
- c) Mùa hè, sau trận mưa giông thì cây trồng sẽ sinh trưởng nhanh hơn.
- d) Nếu trồng rau, ngay sau khi tưới đậm 1-2 ngày thì không nên sử dụng rau làm thức ăn vì NO_3^- chưa chuyển hoá hết gây độc cho người.

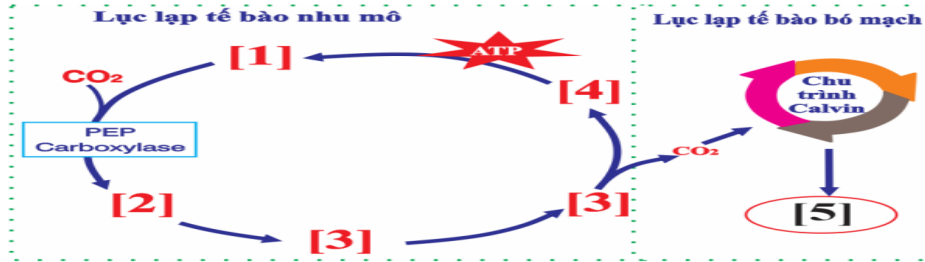
Câu 2: Quan sát thí nghiệm, sau 1 giờ mức nước của lọ A giảm, cân lệch về phía lọ B.



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về thí nghiệm này?

- Lượng nước trong bình A giảm so với bình B.
- Cây A hút nước vào qua rễ và thoát hơi nước ở lá.
- Cây B rễ không có khả năng hút nước so với cây A.
- Nếu ban đầu hai cây A và B cắt hết lá thì lượng nước giữa lọ A và B sẽ không thay đổi sau thời gian thí nghiệm.

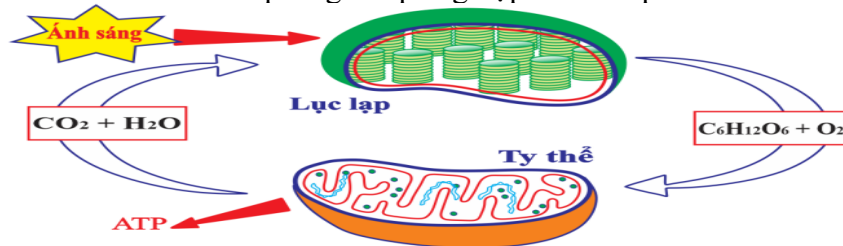
Câu 3: Trong quang hợp, chu trình mô tả pha tối trong quang hợp ở tế bào thực vật như sau:



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về chu trình này?

- Đây là pha tối ở thực vật C4 hoặc thực vật CAM.
- Sản phẩm đầu tiên [2] là hợp chất hữu cơ 4C (OAA) được sinh ra ở giai đoạn cố định CO₂ khí quyển.
- Sản phẩm cuối cùng của pha tối thực vật C4 là chất hữu cơ 6 carbon được tạo ra từ chu trình Calvin.
- Nếu không có enzyme PEP carboxylase thì nhóm thực vật này chỉ diễn ra chu trình Calvin như thực vật C3 để tạo ra chất hữu cơ tạo các bộ phận cơ thể

Câu 4: Dựa vào sơ đồ tóm tắt mối liên quan giữa quang hợp và hô hấp:



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về sơ đồ này?

- Hô hấp và quang hợp là 2 quá trình phụ thuộc lẫn nhau.
- Hô hấp cung cấp năng lượng và nguyên liệu cho quang hợp ngược lại quang hợp cung cấp nguyên liệu cho hô hấp.
- Mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp ảnh hưởng đến lượng chất hữu cơ tích lũy trong cây và quyết định đến năng suất cây trồng.
- Nếu quang hợp sinh ra lượng chất hữu cơ lớn hơn chất cần cho quá trình hô hấp thì các bộ phận sinh dưỡng sẽ được tăng sinh.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

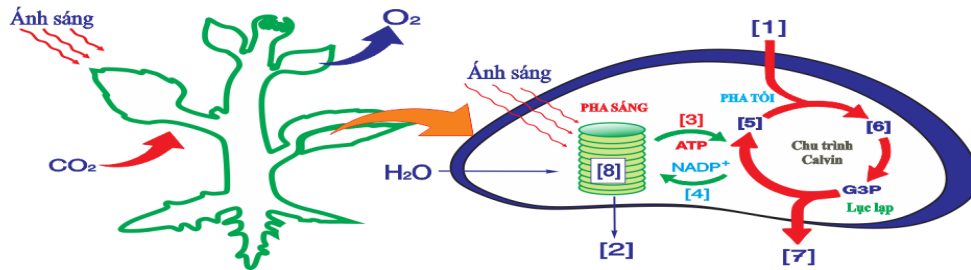
Câu 1: Trong các biện pháp sau đây, có bao nhiêu biện pháp giúp bộ rễ của cây phát triển tốt?

- (1) Phơi ải đất, cây sâu, bừa kĩ.
- (2) Phá váng, làm cỏ sục bùn.
- (3) Luôn tưới cho gốc cây ẩm nước.
- (4) Vun gốc.
- (5) Tưới nước và bón phân hợp lí.

Câu 2: Trong số các chất sau đây, có bao nhiêu chất **không** phải sắc tố quang hợp?

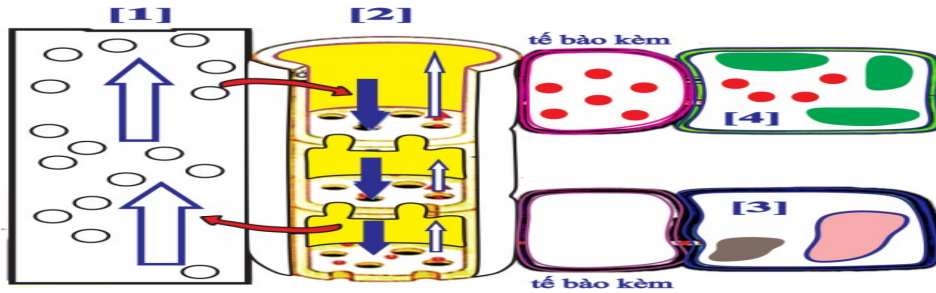
- (1) Xanthophyll, - (2) Diệp lục (Chlorophyll), - (3) Phicobilin, - (4) Carotenoid, - (5) Gibberellin.

Câu 3: Hình mô tả cấu tạo của lục lạp và sơ đồ quang hợp ở tế bào thực vật sau đây:



Vị trí số mấy trên hình là nơi nhận CO₂ khí quyền để cố định tổng hợp hợp chất hữu cơ 3 carbon (PGA)?

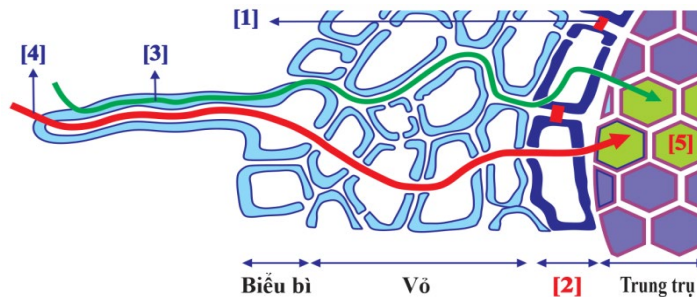
Câu 4: Dựa trên kiến thức và hình vẽ quá trình vận chuyển các chất trong cây, có bao nhiêu nhận định sau đây đúng?



- [1] là dòng mạch gỗ.
- [2] là dòng mạch rây.
- [4] là cơ quan nguồn, đó là lá nơi tổng hợp chất hữu cơ.
- [3] là cơ quan chứa, đó là rễ, củ, thân, .. nơi chứa các chất tổng hợp từ cơ quan nguồn đưa đến theo hệ mạch rây.
- Chất hữu cơ chuyển từ [4] đến [3] do áp suất thẩm thấu tế bào cơ quan nguồn nhỏ hơn cơ quan chứa.
- Con đường vận chuyển [2] là chuyển các chất từ [4] đến [3].

Câu 5: 1 phân tử glucose qua đường phân tạo ra 2 phân tử hữu cơ, mỗi phân tử chứa mấy nguyên tử carbon?

Câu 6: Dựa trên sơ đồ tóm tắt quá trình vận chuyển và hấp thụ nước và ion khoáng ở rễ, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- [1] Đai Caspary ngăn cản các chất qua gian bào để đi qua tế bào chất vào mạch gỗ của rễ.
- [2] Lớp tế bào nội bì.
- [3] Con đường vận chuyển nước và khoáng đi qua gian bào.
- [4] Con đường vận chuyển nước và khoáng đi qua tế bào chất.
- [5] Mạch gỗ của rễ.
- [6] Lông hút ở rễ là tế bào đảm nhận chức năng hấp thụ nước và khoáng từ đất vào cây.
- [7] Mạch gỗ của rễ, đưa nước và ion khoáng lên thân và lên ngọn.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 4 trang)

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi 102

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Giai đoạn đường phân xảy ra ở đâu?

- A. Tế bào chất. B. Ti thể.
C. Tế bào chất và nhân. D. Nhân tế bào.

Câu 2: Các giai đoạn của quá trình phân giải kỵ khí diễn ra theo trật tự nào?

- A. Lên men → Đường phân.
B. Đường phân → Lên men → Chuỗi chuyền electron.
C. Đường phân → Chu trình Krebs → Chuỗi chuyền electron.
D. Đường phân → Lên men.

Câu 3: Trong lục lạp, có bao nhiêu loại sắc tố quang hợp sau đây?

- I. Thylakoid., II. Chlorophyll a. III. Chlorophyll b., IV. Xantophyn., V. Carotene.; VI. Lyperin.
A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 4: Ý nào sau đây sai khi nói về vai trò của sinh vật tự dưỡng đối với sinh giới?

- A. Phân hủy chất hữu cơ và tái tạo các chất dinh dưỡng trong đất, trả lại vật chất cho môi trường.
B. Cung cấp thức ăn, nơi ở và nơi sinh sản cho động vật.
C. Điều hoà khí hậu: tạo nhiệt độ, độ ẩm thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của sinh vật.
D. Cung cấp O₂, đảm bảo cho hoạt động sống của hầu hết sinh vật.

Câu 5: Ý nào sau đây là **đúng** khi nói về quá trình đồng hóa?

- A. Tổng hợp chất hữu cơ và tích lũy năng lượng.
B. Phân giải chất hữu cơ thành các chất tương đồng nhau.
C. Tổng hợp chất hữu cơ từ các chất hữu cơ phức tạp.
D. Tổng hợp chất khí.

Câu 6: Pha tối của quá trình quang hợp diễn ra ở vị trí nào trong lục lạp?

- A. Chất nền. B. Ti thể. C. Màng trong. D. Thylakoid.

Câu 7: NH₄⁺ trong đất chuyển hoá thành NO₃⁻ là do nhóm vi sinh vật nào?

- A. Vi khuẩn kí sinh. B. Vi khuẩn nitrate hoá.
C. Vi khuẩn phản nitrate. D. Vi khuẩn cố định nitrogen.

Câu 8: Cây trên cạn hấp thụ nước chủ yếu qua bộ phận nào?

- A. Biểu bì của thân. B. Biểu bì của lá.
C. Tế bào lông hút ở rễ. D. Biểu bì của cành.

Câu 9: Quá trình hô hấp ở thực vật có ý nghĩa gì?

- A. Chuyển hóa carbohydrate thành CO₂ và H₂O.
B. Tạo năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.
C. Làm sạch không khí.
D. Đảm bảo cân bằng O₂ và CO₂ trong khí quyển.

Câu 10: Khi nói đến điều kiện quá trình cố định nitrogen khí quyển, phát biểu sau đây **không** đúng?

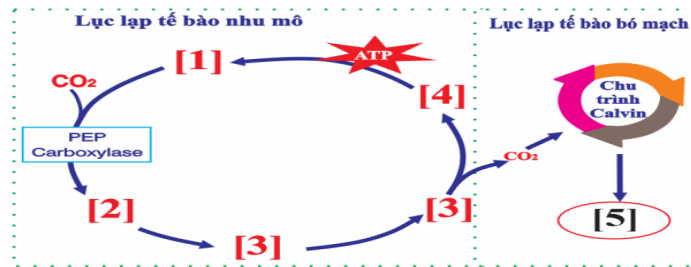
- A. Có sự tham gia của enzyme nitrogenase.
B. Thực hiện trong điều kiện kỵ khí.
C. Có lực khử mạnh, được cung cấp năng lượng ATP.
D. Có sự tham gia của CO₂ và nước.

Câu 11: Cho phương trình: C₆H₁₂O₆ + 6O₂ → A + 6H₂O + Q (năng lượng). Trong phương trình trên A có thể là những chất gì?

- A. CO₂. B. C₂H₅OH. C. C₃H₄O₃. D. CH₃COOH.

Câu 12: Khí oxygen được giải phóng qua quá trình quang hợp có nguồn gốc từ đâu?

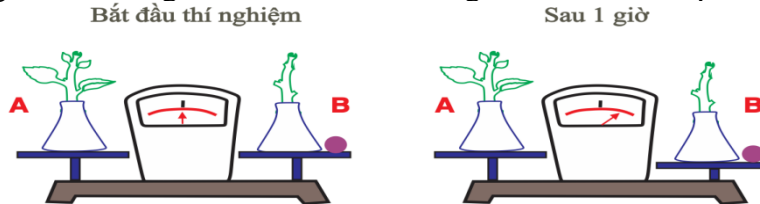
- A. CO₂. B. N₂O. C. H₂O. D. C₆H₁₂O₆.



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về chu trình này?

- Đây là pha tối ở thực vật C4 hoặc thực vật CAM.
- Sản phẩm đầu tiên [2] là hợp chất hữu cơ 4C (OAA) được sinh ra ở giai đoạn cố định CO₂ khí quyển.
- Sản phẩm cuối cùng của pha tối thực vật C4 là chất hữu cơ 6 carbon được tạo ra từ chu trình Calvin.
- Nếu không có enzyme PEP carboxylase thì nhóm thực vật này chỉ diễn ra chu trình Calvin như thực vật C3 để tạo ra chất hữu cơ tạo các bộ phận cơ thể

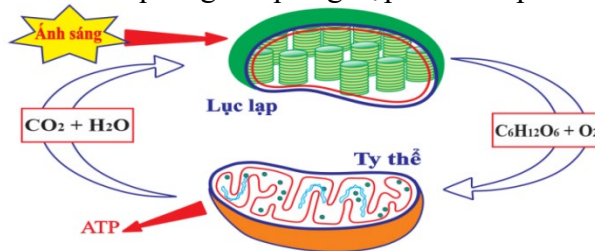
Câu 3: Quan sát thí nghiệm, sau 1 giờ mức nước của lọ A giảm, cân lệch về phía lọ B.



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về thí nghiệm này?

- Lượng nước trong bình A giảm so với bình B.
- Cây A hút nước vào qua rễ và thoát hơi nước ở lá.
- Cây B rễ không có khả năng hút nước so với cây A.
- Nếu ban đầu hai cây A và B cắt hết lá thì lượng nước giữa lọ A và B sẽ không thay đổi sau thời gian thí nghiệm.

Câu 4: Dựa vào sơ đồ tóm tắt mối liên quan giữa quang hợp và hô hấp:



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về sơ đồ này?

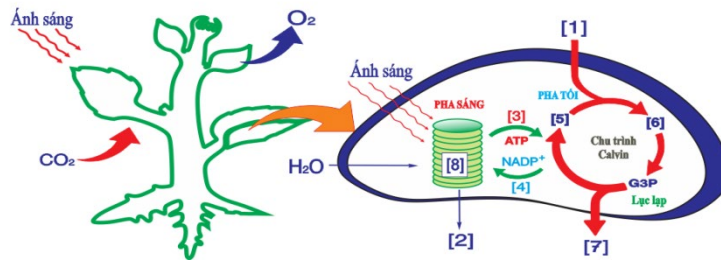
- Hô hấp và quang hợp là 2 quá trình phụ thuộc lẫn nhau.
- Hô hấp cung cấp năng lượng và nguyên liệu cho quang hợp ngược lại quang hợp cung cấp nguyên liệu cho hô hấp.
- Mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp ảnh hưởng đến lượng chất hữu cơ tích lũy trong cây và quyết định đến năng suất cây trồng.
- Nếu quang hợp sinh ra lượng chất hữu cơ lớn hơn chất cần cho quá trình hô hấp thì các bộ phận sinh dưỡng sẽ được tăng sinh.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Trong các biện pháp sau đây, có bao nhiêu biện pháp giúp bộ rễ của cây phát triển tốt?

- (1) Phơi ải đất, cày sâu, bừa kỹ.
- (2) Phá vầng, làm cỏ sục bùn.
- (3) Luôn tưới cho gốc cây đầm nước.
- (4) Vun gốc.
- (5) Tưới nước và bón phân hợp lí.

Câu 2: Hình mô tả cấu tạo của lục lạp và sơ đồ quang hợp ở tế bào thực vật sau đây:

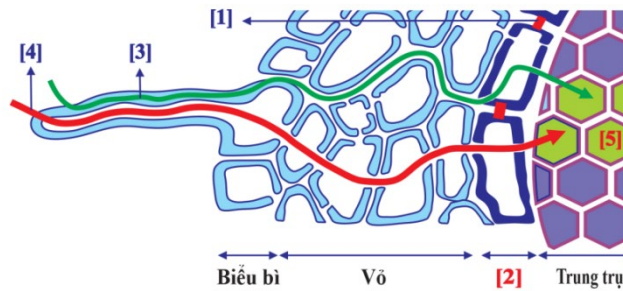


Vị trí số mấy trên hình là nơi nhận CO₂ khí quyền để cố định tổng hợp hợp chất hữu cơ 3 carbon (PGA)?

Câu 3: Trong số các chất sau đây, có bao nhiêu chất **không** phải sắc tố quang hợp?

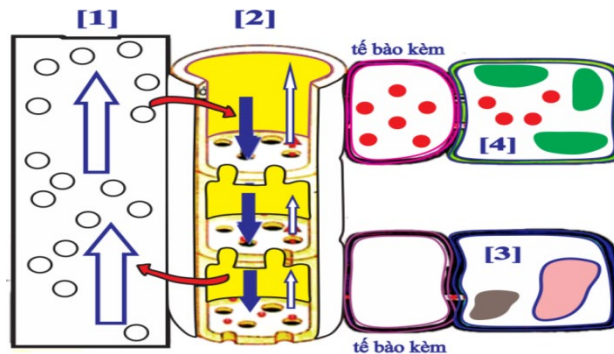
- (1) Xanthophyll, - (2) Diệp lục (Chlorophyll), - (3) Phicobilin, - (4) Carotenoid, - (5) Gibberellin.

Câu 4: Dựa trên sơ đồ tóm tắt quá trình vận chuyển và hấp thụ nước và ion khoáng ở rễ, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?



- [1] đai Caspary ngăn cản các chất qua gian bào để đi qua tế bào chất vào mạch gỗ của rễ.
- [2] Lóp tế bào nội bì.
- [3] Con đường vận chuyển nước và khoáng đi qua gian bào.
- [4] Con đường vận chuyển nước và khoáng đi qua tế bào chất.
- [5] Mạch gỗ của rễ.
- [6] Lông hút ở rễ là tế bào đảm nhận chức năng hấp thụ nước và khoáng từ đất vào cây.
- [7] Mạch gỗ của rễ, đưa nước và ion khoáng lên thân và lên ngọn.

Câu 5: Dựa trên kiến thức và hình vẽ quá trình vận chuyển các chất trong cây, có bao nhiêu nhận định sau đây **đúng**?



- [1] là dòng mạch gỗ.
- [2] là dòng mạch rây.
- [4] là cơ quan nguồn, đó là lá nơi tổng hợp chất hữu cơ.
- [3] là cơ quan chứa, đó là rễ, củ, thân, .. nơi chứa các chất tổng hợp từ cơ quan nguồn đưa đến theo hệ mạch rây.
- Chất hữu cơ chuyển từ [4] đến [3] do áp suất thẩm thấu tế bào cơ quan nguồn nhỏ hơn cơ quan chứa.
- Con đường vận chuyển [2] là chuyển các chất từ [4] đến [3].

Câu 6: 1 phân tử glucose qua đường phân tạo ra 2 phân tử hữu cơ, mỗi phân tử chứa mấy nguyên tử carbon?

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

Câu\Mã đề	101	102	103	104
1	C	A	B	A
2	B	D	B	B
3	B	A	A	B
4	D	A	C	A
5	A	A	B	C
6	C	A	B	C
7	A	B	C	D
8	C	C	B	A
9	B	B	A	C
10	B	D	D	C
11	C	A	A	A
12	B	C	D	C
13	B	D	C	A
14	A	B	C	A
15	A	B	A	B
16	SSDD	SSDD	SSDD	SSDD
17	DDSD	SDDS	SDDS	SDDS
18	SDDS	DDSD	DDSD	DDSD
19	DDDD	DDDD	DDDD	DDDD
20	3	3	5	1
21	1	1	3	1
22	1	1	1	3
23	5	7	3	3
24	3	5	1	5
25	7	3	7	7

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN SINH HỌC 11
NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Thời điểm kiểm tra: Tuần 10 của năm học.

2. Thời gian làm bài: 45 phút

3. Hình thức kiểm tra: *Trắc nghiệm*

4. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 40% Thông hiểu; 20% Vận dụng.

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 25 câu. Trong đó:

+ **Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 15 câu TNNLC = 4,5 điểm

+ **Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

+ **Phần III:** (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm.

(Riêng phần III này nếu phải làm tự luận thì phần III là 1,5 điểm này sử dụng là câu tự luận trả lời ngắn, vẫn là 6 câu, khi đó câu

5. Bảng ma trận sau:

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN SINH HỌC 11

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi											
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC)			Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNDS)			Trắc nghiệm trả lời ngắn (TNTLN)					
			Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)	Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)	Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)			
1	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong sinh giới	- Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng - Các phương thức trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	1 NT1	1 NT2-5										
2	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở thực vật	Trao đổi nước và khoáng ở thực vật	2 NT1	1 NT2-5	1 TH1-2		1 NT2-5	1 (TH1-2, VD2)	1 NT1		1VD2			
3		Quang hợp ở thực vật	3 NT1	1 NT2-5	1 VD2	1 NT1	1 TH1-2			1TH1-2 1NT4	1VD2			
4		Hô hấp ở thực vật	3 NT1	1 TH1-2					1 NT1					
Tổng số câu			9	4	2	1	2	1	2	2				
Tổng số điểm			(I): 2,7 đ	(II): 1,2 đ	(III): 0,6 đ	(IV): 1,0 đ	(V): 2,0 đ	(VI): 1,0 đ	(VII): 0,5 đ	(VIII): 0,5 đ	(IX): 0,5 đ			
Tổng số câu/điểm từng định dạng			15 câu / 4.5 điểm			4 câu/ 4.0 điểm			6 câu/ 1.5 điểm					
Tổng từng mức độ nhận thức:			Nhận biết: I+IV+VII = 4,5 đ			Thông hiểu: II+V+VIII = 3,5 đ			Vận dụng: III+VI+IX = 2,0 đ					

Chú ý: (Nhận thức sinh học: NT / Tim hiểu thế giới sống: TH/ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: VD)

- **NT1: Nhận biết, kể tên, phát biểu, nêu** được các đối tượng, khái niệm, quy luật, quá trình sống.
- **NT2: Trình bày được** các đặc điểm, vai trò của các đối tượng và các quá trình sống bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ, ...
- **NT3: Phân loại được** các đối tượng, hiện tượng sống theo các tiêu chí khác nhau.
- **NT4: Phân tích được** các đặc điểm của một đối tượng, sự vật, quá trình theo logic nhất định.
- **NT5: So sánh, lựa chọn** được các đối tượng, khái niệm, các cơ chế, quá trình sống dựa theo các tiêu chí nhất định.
- **NT6: Giải thích được** mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng (nguyên nhân – kết quả, cấu tạo – chức năng, ...)
- **NT7: Nhận ra và chỉnh sửa được** những điểm sai; đưa ra được những nhận định có tính phê phán (phản biện) liên quan tới chủ đề trong thảo luận.

- **NT8: Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học**, kết nối được thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày các văn bản khoa học; sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau.

- **TH1: Đề xuất vấn đề liên quan đến thế giới sống**: đặc ra được các câu hỏi liên quan đến vấn đề; phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề; dùng ngôn ngữ của mình biểu đạt được vấn đề đã đề xuất.

- **TH2: Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết**: phân tích được vấn đề để nêu được phán đoán; xây dựng và phát biểu được giả thuyết nghiên cứu.

- **TH3: Lập kế hoạch thực hiện**: xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát, thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn, hồi cứu tư liệu...); lập được kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu [gọi chung là ‘thiết kế nghiên cứu’].

- **TH4: Thực hiện kế hoạch** [vd: Thực hiện nghiên cứu]: thu thập, lưu trữ được dữ liệu từ kết quả tổng quan, thực nghiệm, điều tra; đánh giá được kết quả dựa trên phân tích, xử lý các dữ liệu bằng các tham số thống kê đơn giản; so sánh được kết quả với giả thuyết, rút ra kết luận và điều chỉnh (nếu cần); đề xuất được ý kiến khuyến nghị vận dụng kết quả nghiên cứu, hoặc vấn đề nghiên cứu tiếp.

- **TH5: Viết, trình bày báo cáo và thảo luận**: sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả nghiên cứu; viết được báo cáo nghiên cứu; hợp tác được với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả nghiên cứu một cách thuyết phục.

- **VD1: Giải thích thực tiễn: giải thích, đánh giá** được những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên hoặc trong đời sống, tác động của chúng đến phát triển bền vững: *giải thích, đánh giá, phản biện* được một số mô hình công nghệ ở mức độ phù hợp.

- **VD2: Có hành vi, thái độ thích hợp**: đề xuất, thực hiện một số giải pháp để bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng; bảo vệ thiên nhiên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: SINH HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Chủ đề	Đơn vị KT	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Dạng thức		
			NLC	Đ/S	TLN
Khái quát trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật	Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	Nêu được các dấu hiệu đặc trưng của trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng (thu nhận các chất từ môi trường, vận chuyển các chất, biến đổi các chất, tổng hợp các chất và tích lũy năng lượng, phân giải các chất và giải phóng năng lượng, đào thải các chất ra môi trường, điều hoà).	1NT1 1 NT2-5		
	Các phương thức trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các phương thức trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng (tự dưỡng và dị dưỡng). - Nêu được khái niệm tự dưỡng. - Nêu được khái niệm dị dưỡng. Lấy được ví dụ minh hoạ về các phương thức trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng. <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự vận chuyển các chất trong cây theo dòng mạch gỗ. - Nêu được vai trò sinh lí của một số nguyên tố khoáng đối với thực vật (cụ thể một số nguyên tố đa lượng, vi lượng). - Nêu được sự vận chuyển các chất trong cây theo dòng mạch rây. - Nêu được các nguồn cung cấp nitơ cho cây. - Nêu được sự vận chuyển các chất hữu cơ trong mạch rây cung cấp cho các hoạt động sống của cây và dự trữ trong cây. - Nêu được khái niệm dinh dưỡng ở thực vật. 			
Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở thực vật	Trao đổi nước và khoáng ở thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nước có vai trò vừa là thành phần cấu tạo tế bào thực vật, là dung môi hoà tan các chất, môi trường cho các phản ứng sinh hoá, điều hoà thân nhiệt và vừa là phương tiện vận chuyển các chất trong hệ vận chuyển ở cơ thể thực vật. - Trình bày được cơ chế đóng mở khí khổng thực hiện chức năng điều tiết quá trình thoát hơi nước. - Trình bày được quá trình hấp thụ và biến đổi nitrate và ammonium ở thực vật. - Trình bày được cơ chế hấp thụ nước và khoáng ở tế bào lông hút của rễ. - Dựa vào sơ đồ, mô tả được quá trình trao đổi nước trong cây, gồm: sự hấp thụ nước ở rễ, sự vận chuyển nước ở thân và sự thoát hơi nước ở lá. - Trình bày được sự vận chuyển nước và khoáng trong cây phụ thuộc vào: động lực hút của lá (do thoát hơi nước tạo ra), động lực đẩy nước của rễ (do 	2 NT1 1 NT2-5 1 TH1-2	1 NT2-5 1 (TH1-2, VD2) 1 NT1 1 TH1-2	1 NT1 1VD2

	<p>áp suất rễ tạo ra) và động lực trung gian (lực liên kết giữa các phân tử nước và lực bám giữa các phân tử nước với thành mạch dẫn).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình dinh dưỡng khoáng ở cây, đặc biệt là nhiệt độ và ánh sáng. - Thông qua thực hành, mô tả được cấu tạo khí khổng ở lá. - Giải thích được vai trò quan trọng của sự thoát hơi nước đối với đời sống của cây. - Quan sát và nhận biết được một số biểu hiện của cây do thiếu khoáng (hình ảnh, mẫu vật). - Phân tích được vai trò của phân bón đối với năng suất cây trồng. 			
Quang hợp ở thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm quang hợp ở thực vật. - Viết được phương trình quang hợp. - Nêu được các sản phẩm của quá trình biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hoá học (ATP và NADPH). - Nêu được vai trò của sắc tố trong việc hấp thụ năng lượng ánh sáng. - Nêu được vai trò của quang hợp ở thực vật (vai trò đối với cây, với sinh vật và sinh quyển). - Nêu được các con đường đồng hoá carbon trong quang hợp. <p>Trình bày được vai trò của quang hợp đối với sinh giới. Trình bày được vai trò của sản phẩm quang hợp trong tổng hợp chất hữu cơ (chủ yếu là tinh bột).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được một số biện pháp kỹ thuật và công nghệ nâng cao năng suất cây trồng. - Thông qua thực hành, mô tả được lục lạp trong tế bào thực vật; - Phân tích được các bước thực hiện việc nhận biết, tách chiết các sắc tố (chlorophyll a, b; carotene và xanthophyll) trong lá cây. - Thiết kế được các thí nghiệm về sự hình thành tinh bột; thải oxygene trong quá trình quang hợp. - Phân tích được quy trình thực hiện các thí nghiệm về sự hình thành tinh bột; thải oxygene trong quá trình quang hợp. 	<p>3 NT1 1 NT2-5 1 VD2</p>	<p>1 TH1-2 1 NT4 1 VD2</p>	
Hô hấp ở thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm hô hấp ở thực vật. - Trình bày được sơ đồ các giai đoạn của hô hấp ở thực vật. - Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến hô hấp ở thực vật. - Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp. 	<p>1 NT1 1 TH1-2</p>	<p>1 NT1</p>	
	Tổng câu	15	4	6